

Số: 1432/KL-STC

Ninh Thuận, ngày 23 tháng 4 năm 2020

KẾT LUẬN THANH TRA

Về công tác quản lý, sử dụng và quyết toán các nguồn ngân sách, nguồn thu học phí và các nguồn thu khác tại Trường THPT Ninh Hải

Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-STC ngày 21 tháng 02 năm 2020 của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn ngân sách, nguồn thu học phí và các nguồn thu khác trong 02 năm 2018, 2019 tại Trường THPT Ninh Hải.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 13/BC-TTr ngày 31/3/2020 của Đoàn Thanh tra về báo cáo kết quả thanh tra tình hình tài chính năm 2018, 2019 tại Trường THPT Ninh Hải; ý kiến giải trình của Nhà trường,

Giám đốc Sở Tài chính kết luận như sau:

A. KHÁI QUÁT CHUNG:

1. Tổng quan về Trường THPT Ninh Hải:

Trường THPT Ninh Hải (gọi tắt là Nhà trường) được thành lập theo Quyết định số 55/1999/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc tách Trường Phổ thông trung học Ninh Hải thành 02 trường (Trường THCS Đình Bộ Lĩnh và Trường THPT Ninh Hải), trong đó: Trường THPT Ninh Hải trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là đơn vị sự nghiệp giáo dục, loại hình công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước.

Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên, được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính năm 2018 tại Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

Nhà trường đặt tại Khu Khánh Hiệp, thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải.

2. Cơ cấu tổ chức, nhân sự:

Về tổ chức bộ máy: Tính đến thời điểm thanh tra là 78 người, trong đó: Ban Giám hiệu 04 người, giáo viên 65, nhân viên văn phòng 06 người, nhân viên hợp đồng theo Nghị định 68 là 03 người (tăng 02 Hợp đồng theo Nghị định 68).

Biên chế được giao theo Quyết định số 19/QĐ-SGDĐT ngày 05/01/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo (năm học 2017-2018) là 75 người và Quyết định số 158/QĐ-SGDĐT ngày 22/02/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo (năm học 2018-2019) là 76 người (thêm 01 Hợp đồng theo Nghị định 68)

Số lượng lớp học là 29 lớp (khối lớp 10: 11 lớp, khối lớp 11: 9 lớp và khối lớp 12: 9 lớp), số học sinh từ 1.061 hs đến 1.115 hs.

3. Chính sách kế toán, tài chính.

- Nhà trường áp dụng chế độ tài chính, tổ chức công tác kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo hướng dẫn tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

- Nguồn thu của Nhà trường bao gồm: Nguồn kinh phí ngân sách cấp chi hoạt động thường xuyên (kinh phí tự chủ, kinh phí không tự chủ); nguồn học phí và thu khác.

- Văn bản áp dụng:

Căn cứ Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021; Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh quy định về mức thu, vùng thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức thu, vùng thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, Nhà trường xây dựng Kế hoạch thu học phí hàng năm, cụ thể:

+ Vùng 1: 75.000 đ/tháng x 9 tháng = 675.000 đồng;

+ Vùng 2: 40.000 đ/tháng x 9 tháng = 360.000 đồng;

+ Vùng 3: 12.000 đ/tháng x 9 tháng = 108.000 đồng

- Đối với hoạt động dịch vụ: Nhà trường thực hiện chính sách thuế theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC về thuế GTGT và thuế TNDN áp dụng cho đơn vị sự nghiệp.

- Năm tài chính của Nhà trường áp dụng theo năm dương lịch, bắt đầu từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH:

I. Tình hình hoạt động tài chính trong 02 năm 2018, 2019:

1. Nguồn kinh phí ngân sách cấp:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019
A	NGUỒN KP NSNN CẤP		
I	KP năm trước chuyển sang	255.303.779	282.614.733
	KP thường xuyên	255.303.779	282.614.733

II	Kinh phí cấp trong năm	8.076.242.500	8.810.847.500
1	KP thường xuyên	7.968.883.000	8.769.947.500
	- DT giao đầu năm	7.838.740.000	8.617.670.000
	- KP TK 10% CCTL	104.970.000	124.379.000
	- KP TK 40% CCTL cấp bù học phí HKI+II/2017-2018	25.173.000	0
	- Cấp bù học phí 2018-2019	0	27.898.500
2	Kinh phí không thường xuyên	107.359.500	40.900.000
	- Cấp bù học phí HK I+II/2017-2018	22.759.500	0
	- Cấp bù học phí HK I/2018-2019	18.091.000	0
	- Hỗ trợ chi phí học tập	66.509.000	40.900.000
III	Kinh phí sử dụng đề nghị quyết toán	8.024.121.846	8.791.495.184
1	Kinh phí thường xuyên	7.941.572.046	8.760.895.184
	- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương	6.884.118.465	7.635.668.512
	- Chi các hoạt động	927.310.581	981.693.172
	- KP TK 10% CCTL	104.970.000	115.635.000
	- Chi cấp bù học phí 40% CCTL HK I+II/2017-2018	25.173.000	0
	- Chi cấp bù học phí 2018-2019	0	27.898.500
2	Kinh phí không thường xuyên	82.549.800	30.600.000
	- Chi cấp bù học phí HK I+II/2017- 2018	22.759.500	0
	- Chi cấp bù học phí HK I/2018-2019	18.090.300	0
	- Hỗ trợ chi phí học tập	41.700.000	30.600.000
IV	Kinh phí chưa sử dụng cuối năm	307.424.433	301.967.049
1	Kinh phí thường xuyên	282.614.733	291.667.049
	- Chi các hoạt động	282.614.733	282.923.049
	- KP TK 10% CCTL	0	8.744.000
2	Kinh phí không thường xuyên	24.809.700	10.300.000
	- Cấp bù học phí HK I/2018-2019	700	0
	- Hỗ trợ chi phí học tập	24.809.000	10.300.000

Đối với nguồn kinh phí không thường xuyên đến cuối ngày 31 tháng 12, Nhà trường hết nhiệm vụ chi, số kết dư cuối năm sẽ bị hủy tại kho bạc theo quy định.

2. Nguồn thu sự nghiệp (học phí):

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2018	Năm 2019
1	Năm trước chuyển sang	318.738.710	356.463.104
	- Trích 40% CCTL	266.859.811	168.230.205

	- Nguồn 60% để lại	51.878.899	188.232.899
2	Thu trong năm	546.798.500	658.688.500
	- Trích 40% CCTL	218.719.400	263.475.400
	- Nguồn 60% chi hoạt động	328.079.100	395.213.100
3	Chi trong năm	509.074.106	665.890.062
	- Trích 40% CCTL	317.349.006	132.863.916
	- Nguồn 60% chi hoạt động	191.725.100	533.026.146
4	Còn lại cuối năm	356.463.104	349.261.542
	- Trích 40% CCTL	168.230.205	298.841.689
	- Nguồn 60% chi hoạt động	188.232.899	50.419.853
5	Trích lập quỹ PTSN		
5.1	Số năm trước chuyển sang	493.319.043	493.319.043
5.2	Số thu trong năm	0	0
5.3	Số chi (xây công tường rào)	0	493.319.043
5.4	Số còn lại	493.319.043	0

3. Nguồn thu hoạt động khác:

ĐVT: đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2018	Năm 2019
1	Năm trước chuyển sang	218.849.933	269.717.703
1.1	Kinh phí khám sức khỏe ban đầu cho học sinh	157.379.020	202.368.790
1.2	Nguồn thu hoạt động căn tin	61.470.913	67.348.913
	<i>Trích 40% CCTL</i>	<i>16.259.350</i>	<i>26.960.550</i>
	<i>Trích 60% (Quỹ phúc lợi)</i>	<i>45.211.563</i>	<i>40.388.363</i>
2	Thu trong năm	81.642.770	123.786.100
2.1	Kp khám sức khỏe ban đầu cho học sinh	54.889.770	39.580.100
2.2	Nguồn thu hoạt động căn tin	26.753.000	84.206.000
	<i>Trích 40% CCTL</i>	<i>10.701.200</i>	<i>16.841.200</i>
	<i>Trích 60% (Quỹ phúc lợi)</i>	<i>16.051.800</i>	<i>67.364.800</i>
3	Chi trong năm	30.775.000	176.879.293
3.1	Kp khám sức khỏe ban đầu cho học sinh	9.900.000	84.043.000
3.2	Nguồn thu hoạt động căn tin	20.875.000	92.836.293
	<i>Trích 40% CCTL</i>	<i>0</i>	<i>29.433.293</i>
	<i>Trích 60% (Quỹ phúc lợi)</i>	<i>20.875.000</i>	<i>63.403.000</i>

4	Tồn cuối năm	269.717.703	216.624.510
4.1	Kp khám sức khỏe ban đầu cho học sinh	202.368.790	157.905.890
4.2	Nguồn thu hoạt động căn tin	67.348.913	58.718.620
	<i>Trích 40% CCTL</i>	<i>26.960.550</i>	<i>14.368.457</i>
	<i>Trích 60% (Quỹ phúc lợi)</i>	<i>40.388.363</i>	<i>44.350.163</i>

II. Nhận xét tình hình quản lý các nguồn tài chính:

Nhà trường có nhiều cố gắng trong công tác quản lý tài chính kế toán, mở sổ sách, chứng từ kế toán đầy đủ theo quy định; theo dõi cập nhật việc ghi chép chứng từ thu, chi rõ ràng, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ phát sinh. Hàng năm, Nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện quy chế đã xây dựng; Nhà trường thực hiện việc công khai tài chính theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Tuy nhiên, qua thanh tra vẫn còn những tồn tại, hạn chế cụ thể như sau:

1. Việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

- Nhà trường chưa kịp thời bổ sung các quy định đã được thay thế, điều chỉnh, cụ thể chi khoản tiền công tác phí tại Điều 6 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh. Chi thanh toán tiền công tác trực cơ quan nhân các ngày nghỉ Lễ, tết, ... đối với cán bộ, viên chức là chưa phù hợp tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức. Nhà trường dẫn chiếu một số các văn bản đã hết hiệu lực làm cơ sở xây dựng quy chế (chế độ chi trang phục TDQP cho giáo viên...) là chưa đúng quy định.

- Ngoài ra, Nhà trường chưa xây dựng quy chế quản lý và sử dụng đối với nguồn quỹ bảo hiểm y tế trích để lại cho cơ sở giáo dục (kinh phí CSSKBĐ).

2. Về chứng từ:

- Nhà trường chi trả lại tiền học phí cho các học sinh nộp thừa, song trên danh sách ký nhận tiền các chữ ký đều giống nhau, hóa đơn mua hàng không có ngày, tháng, năm là không phù hợp. Chứng từ chi tiếp khách không có nội dung tiếp khách cụ thể như (công văn, thành phần tham dự, ...) là chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 1181/2010/QĐ-UBND ngày 12/7/2010 và Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Chứng từ chi tiền trực cơ quan trong các ngày nghỉ lễ, tết ... đối với cán bộ, viên chức là chưa phù hợp theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

- Nhà trường chỉ mua nước khoáng nhưng nội dung hóa đơn thanh toán mua nước, bánh ngọt, hạt dưa phục vụ tết Nguyên đán là chưa phù hợp.

3. Đối với nguồn ngân sách cấp bù học phí:

Nhà trường sử dụng nguồn ngân sách cấp bù học phí đối với các trường hợp miễn, giảm học phí năm học 2017-2018 đã chi số tiền: 47.932.500 đồng. Tuy nhiên, qua kiểm tra nhu cầu cấp bù học phí thực tế, số tiền: 32.860.000 đồng. Như vậy, chênh lệch số tiền: 15.072.500 đồng (47.932.500 đ - 32.860.000 đ) Nhà trường đã sử dụng chi cho các hoạt động khác là không đúng quy định.

4. Đối với nguồn quản lý thu, chi ngân sách và nguồn thu học phí:

Nhà trường chi thanh toán tiền trang phục Quốc phòng cho giáo viên chuyên trách thể dục, số tiền: 10.800.000 đồng (năm 2017: 3.600.000đ; năm 2018: 3.600.000đ; năm 2019: 3.600.000đ) là không đúng quy định tại Điều 3, Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.

5. Về tình hình quản lý, theo dõi, mua sắm tài sản, trang thiết bị:

- Về mua sắm tài sản, trang thiết bị: Thực hiện theo Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định về mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ duy trì hoạt động thường xuyên đối với cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và một số văn bản khác quy định về đấu thầu mua sắm tài sản.

- Về công khai tài chính và theo dõi tài sản:

Đơn vị có công khai tài chính hàng năm, hình thức thông qua hội nghị cán bộ công chức hàng năm. Đơn vị mở sổ theo dõi danh mục theo các biểu mẫu Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06/11/2014 là chưa đúng quy định vì Thông tư 162/2014/TT-BTC đã được thay thế bởi Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. Đề nghị đơn vị ghi tăng giá trị tài sản công trình Trường THPT Ninh Hải - thuộc dự án phát triển giáo dục THPT giai đoạn 2 Ninh thuận đã được UBND tỉnh Ninh thuận phê duyệt quyết toán tại Quyết định số 1574/QĐ-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh Ninh thuận với tổng giá trị phê duyệt là: 5.593.226.005 đồng.

C. KẾT LUẬN:

Nhìn chung, Nhà trường thực hiện tương đối tốt công tác quản lý tài chính kế toán, mở sổ sách, chứng từ kê toán đầy đủ theo quy định; theo dõi cập nhật việc ghi chép chứng từ thu, chi rõ ràng, phản ánh kịp thời các nghiệp vụ phát sinh. Nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng; đồng thời, công khai tài chính hàng năm theo quy định. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt làm được Nhà trường vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

1. Về xây dựng và thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ:

- Nhà trường chưa cập nhật kịp thời bổ sung các văn bản đã thay thế, bổ sung, điều chỉnh, cụ thể chi khoản tiền công tác phí theo tháng tại Điều 6 Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Ninh thuận, chi công tác

trực cơ quan nhân các ngày nghỉ lễ, tết, ... đối với cán bộ, viên chức chưa phù hợp tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính. Nhà trường dẫn chiếu một số các văn bản đã hết hiệu lực làm cơ sở xây dựng quy chế chi trang phục Quốc phòng cho giáo viên là chưa đúng quy định.

- Ngoài ra, Nhà trường chưa xây dựng quy chế quản lý và sử dụng đối với nguồn quỹ bảo hiểm y tế trích để lại cho cơ sở giáo dục (kinh phí CSSKBD).

2. Về công tác quản lý thu, chi các nguồn kinh phí:

2.1. Đối với nguồn ngân sách cấp bù học phí:

Nhà trường đã sử dụng số chênh lệch thừa cấp bù học phí năm học 2017-2018, số tiền: 15.072.500 đồng (47.932.500 đ - 32.860.000 đ) để chi cho các hoạt động khác là không đúng quy định.

2.2. Đối với nguồn kinh phí ngân sách và nguồn thu học phí:

- Nhà trường lập danh sách chi trả lại tiền nộp học phí còn thừa, qua kiểm tra danh sách ký nhận tiền các chữ ký đều giống nhau; hóa đơn mua hàng không có ngày, tháng, năm; chứng từ chi tiếp khách; chi tiền trực cơ quan trong các ngày nghỉ lễ, tết, ... đối với cán bộ, viên chức chưa đúng quy định; chi mua nước khoáng nhưng nội dung hóa đơn phản ánh chưa đúng với chứng từ.

- Nhà trường chi thanh toán tiền trang phục Quốc phòng cho giáo viên, số tiền: 10.800.000 đồng là không đúng quy định tại Điều 3, Thông tư liên tịch số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐT BXH-BQP-BCA-BNV-BTC ngày 16/7/2015.

3. Về công tác quản lý, theo dõi, mua sắm tài sản, trang thiết bị:

Về theo dõi tài sản, Nhà trường thực hiện chưa đúng mẫu biểu quy định tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

D. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

I. Đối với Trường THPT Ninh Hải:

1. Kiến nghị xử lý về tài chính:

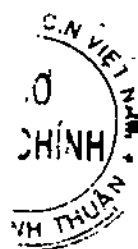
Đề nghị Nhà trường thu hồi nộp vào ngân sách nhà nước, số tiền: 25.872.500 đồng, cụ thể sau:

- Số tiền: 15.072.500 đồng do sử dụng số chênh lệch thừa cấp bù học phí để chi cho các hoạt động khác không đúng quy định;

- Số tiền: 10.800.000 đồng do chi tiền trang phục Quốc phòng cho giáo viên chuyên trách thể dục không đúng quy định.

2. Kiến nghị xử lý khác:

- Đề nghị Nhà trường nghiêm túc khắc phục trong công tác quản lý chứng từ kế toán, xây dựng lại các nội dung chi không phù hợp như chi tiền trực cơ quan trong các ngày nghỉ lễ, tết, ... theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT/BNV-BTC ngày 05/01/2005, chi tiếp khách không quy định tại Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh.



- Đề nghị Nhà trường thực hiện nghiêm túc việc kê tài sản theo đúng mẫu biểu quy định tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 7/5/2018 của Bộ Tài chính. Đề nghị Nhà trường ghi tăng giá trị tài sản đã phê duyệt quyết toán công trình với tổng giá trị là: 5.593.226.005 đồng.

- Đề nghị Nhà trường xây dựng quy chế quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp từ quỹ bảo hiểm y tế để chi cho khám bệnh, chữa bệnh trong chăm sóc sức khỏe ban đầu (KP CSSKBD) theo quy định tại Nghị định 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế.

- Đề nghị Nhà trường (Ban lãnh đạo và kế toán) tổ chức họp rút kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính. Kiểm tra, rà soát lại các văn bản không còn phù hợp, điều chỉnh bổ sung và xây dựng lại quy chế chi tiêu nội bộ theo các văn bản hiện hành.

II. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo:

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn Nhà trường tổ chức thực hiện đúng quy định về chế độ tài chính kế toán, cập nhật các văn bản hiện hành; đồng thời hướng dẫn thực hiện việc kê khai, quản lý và sử dụng tài sản công tại các đơn vị trên địa bàn.

* Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết luận thanh tra, đề nghị Trường THPT Ninh Hải thực hiện việc công khai Kết luận thanh tra này dưới hình thức niêm yết tại trụ sở của Nhà trường theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị xử lý qua thanh tra gửi về Sở Tài chính (thông qua Thanh tra Sở) sau 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra Bộ Tài Chính; Báo cáo
- Thanh tra tỉnh;
- Sở Giáo dục và đào tạo;
- Trường THPT Ninh Hải;
- Lãnh đạo Sở (GD, PGD);
- Lưu: VT, HSTT, TTT

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Công Bình